

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2025/DS-PT

Ngày 21-02-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Bích Diệp

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Trung Dũng

Ông Nguyễn Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quốc Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Kim Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 498/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2024/QĐ-PT, ngày 02 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Quốc H, sinh năm 1986; địa chỉ: tổ A, khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ E, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/7/2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: tổ C, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Thái Thanh H2, sinh năm 1979 và ông Lê Thành D, sinh năm 1995; địa chỉ: đường số E, tổ A, khu phố C, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06/11/2023); có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Thanh L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Chu Thị Thu H3, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 7 năm 2023, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau: Do cần tiền để giải quyết việc gia đình nên từ cuối năm 2021 đến năm 2022 ông Dương Văn Đ đã nhiều lần vay số tiền 1.850.000.000 đồng của ông Hoàng Quốc H, cụ thể:

- + Ngày 22/11/2021, ông Đ vay số tiền 650.000.000 đồng;
- + Ngày 24/01/2022, ông Đ vay số tiền 400.000.000 đồng;
- + Ngày 14/02/2022, ông Đ vay số tiền 400.000.000 đồng;
- + Ngày 20/10/2022, ông Đ vay số tiền 400.000.000 đồng.

Vì quen biết nhau nên hai bên không lập văn bản thỏa thuận về lãi suất vay và thời hạn vay. Tuy nhiên, hai bên thống nhất khi ông Đ trả tiền gốc sẽ trả kèm lãi suất là 2%/tháng; ông Đ đã trực tiếp viết và ký tên, lăn tay trên 04 giấy vay tiền.

Do cần sử dụng tiền nên ông H đã nhiều lần yêu cầu ông Đ trả nợ nhưng ông Đ không trả. Ngày 20/7/2023, ông H có thông báo gửi ông Đ yêu cầu trả nợ, tuy nhiên đến nay ông Đ vẫn không có bất kỳ phản hồi nào.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn Đ phải trả cho ông Hoàng Quốc H số tiền nợ gốc 1.850.000.000 đồng và trả tiền lãi theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước với số tiền nợ 1.850.000.000 đồng, tính từ thời điểm vay tiền đến khi Tòa án xét xử, tạm tính là ngày 30/10/2023, cụ thể như sau:

+ Số tiền vay 650.000.000 đồng từ ngày 22/11/2021 đến ngày xét xử (tạm tính là ngày 30/10/2023) là 23 tháng x lãi suất 1%/tháng = 149.500.000 đồng;

+ Số tiền vay 400.000.000 đồng ngày 24/11/2022 đến ngày xét xử (tạm tính là ngày 30/10/2023) là 18 tháng x lãi suất 1%/tháng = 72.000.000 đồng;

+ Số tiền vay 400.000.000 đồng ngày 14/02/2022 đến ngày xét xử (tạm tính là ngày 30/10/2023) là 17 tháng x lãi suất 1%/tháng = 68.000.000 đồng;

+ Số tiền vay 400.000.000 đồng ngày 20/10/2022 đến ngày xét xử (tạm tính là ngày 30/10/2023) là 12 tháng x lãi suất 1%/tháng = 48.000.000 đồng;

Như vậy, ông Dương Văn Đ phải thanh toán cho ông Hoàng Quốc H số tiền 1.850.000.000 đồng + 337.500.000 đồng = 2.187.500.000 đồng (Hai tỷ một trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu về thời gian tính lãi chậm thanh toán tính từ thời điểm bị đơn có mặt tại Tòa án để làm việc ngày 02/11/2023 đến ngày Tòa án xét xử vụ án (ngày 29/7/2024 là 08 tháng 27 ngày, cụ thể như sau: 1.850.000.000 đồng x 0.83%/tháng x 08 tháng 27 ngày = 136.659.500 đồng.

Như vậy, ông Dương Văn Đ phải thanh toán cho nguyên đơn ông Hoàng Quốc H nợ gốc 1.850.000.000 đồng + lãi suất 136.659.500 đồng = 1.986.659.500 đồng.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Ông Dương Văn Đ và ông Trương Thanh L, sinh năm 1976, trú tại ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương là bạn làm ăn chung nên có sự quen biết. Cuối năm 2021, do ông Đ cần tiền để làm ăn nên đã đến nhà ông Trương Thanh L để hỏi vay của ông L số tiền 1.850.000.000 đồng (một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng). Ông L đồng ý cho ông Đ vay tiền với lãi suất là 6%/tháng và đã giao tiền cho vay cho ông Đ vào các ngày 22/11/2021, ngày 20/01/2022, ngày 24/01/2022 và ngày 14/02/2022. Khi giao tiền cho ông Đ, ông L yêu cầu ông Đ viết “Giấy vay tiền” theo nội dung do ông L đọc. Theo đó thì ông Đ phải viết người cho vay tiền tên là Hoàng Quốc H (là em cột chèo của ông L) còn tiền vay, tiền lãi thực tế thì ông Đ thực hiện giao nhận với ông L. Tuy nhiên, mỗi lần viết giấy vay tại nhà ông L xong thì ông Đ ký tên, lặn tay rồi sau đó ông L (là anh cột chèo với ông H) giao tiền mặt ngay mà không có lập biên nhận tiền, cả 04 lần ông Đ vay tiền đều do ông L trực tiếp giao, tổng cộng là 1.850.000.000 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng).

Đến tháng 06/2022, ông Đ bán đất cho bà Chu Thị Thu H3 với số tiền là 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng). Theo yêu cầu trả nợ gốc, tiền lãi

của ông Trương Thanh L thì ông Đ đã nhờ bà Chu Thị Thu H3 chuyển khoản trả nợ gốc, lãi vay cho ông Trương Thanh L số tiền 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Ông Trương Thanh L nói ông Đ còn nợ lãi ông L số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) nên ông L không cho ông Đ lấy lại các giấy vay tiền mà trước đó ông Đ đã viết.

Vì vậy, ông Đ chỉ liên quan việc vay nợ tiền với ông L mà không nợ tiền của ông H. Ông H cho rằng ngày 20/07/2023 đã gửi thông báo đòi nợ cho ông Đ nhưng theo thông tin bưu gửi do ông Đ cung cấp thì ông Đ không nhận được thông báo đòi nợ của ông H và bưu điện đã phát hoàn thành công thông báo đòi nợ trả lại cho ông H. Căn cứ Điều 469 Bộ luật Dân sự thì ông H chưa đủ điều kiện khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ vụ án. Trường hợp không đình chỉ thì đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Chu Thị Thu H3 trình bày: Bà H3 là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Dương Văn Đ, sinh năm 1978, địa chỉ tổ 3, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương với giá tiền 3.700.000.000 (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng), đặt cọc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), bà H3 và ông Đ thỏa thuận khi hợp đồng chuyển nhượng được công chứng thì bà H3 thanh toán đủ tiền chuyển nhượng cho ông Đ. Ngày 22/06/2023, khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H3 và ông Đ được công chứng thì ông Đ nhờ bà H3 chuyển khoản số tiền 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng) vào tài khoản số 050041453882, tên tài khoản là Trương Thanh L tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. Do hạn chế số tiền mỗi lần chuyển khoản của Ngân hàng nên để chuyển đủ số tiền 2.700.000.000 đồng, bà H3 đã phải chuyển tiền 06 lần. Cụ thể, bà H3 dùng tài khoản của bà H3 tên Chu Thị Thu H3, số tài khoản 0281000515296 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) chuyển 06 lần tiền vào tài khoản số 050041453882 của ông Trương Thanh L tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), mỗi lần chuyển với số tiền như sau: Lần 1: 490.000.000 đồng; lần 2: 490.000.000 đồng; lần 3: 490.000.000 đồng; lần 4: 490.000.000 đồng; lần 5: 490.000.000 đồng; lần 6: 250.000.000 đồng. Việc bà H3 chuyển tiền vào tài khoản số 050041453882 của ông Trương Thanh L tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín là theo yêu cầu của ông Đ, coi như bà H3 thanh toán tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Đ. Còn lý do vì sao ông Đ yêu cầu bà H3 chuyển tiền vào tài khoản nêu trên thì bà H3 không rõ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh L trình bày: Ông L là anh vợ của ông H và là bạn làm ăn mua bán đất đai lâu năm với ông Dương Văn Đ. Trước đây, ông Đ nhiều lần cùng ông L mua bán đất đai, những lúc

chưa xoay sở đủ tiền thì ông Đ có hỏi mượn của ông L và sau đó trả tiền mặt hoặc chuyển khoản trả lại cho ông L. Có lần ông L không đủ tiền cho ông Đ mượn thì ông Đ có mượn của ông H. Tính đến nay, giữa ông L và ông Đ không còn nợ nần gì nhau. Về vấn đề tranh chấp tiền vay giữa ông H và ông Đ thì ông L chỉ biết ông Đ có vay tiền của ông H chứ việc ông Đ trả tiền cho ông H hay chưa thì không rõ. Việc ông H và ông Đ có tranh chấp thì ông L không có liên quan. Do vậy, ông L đề nghị Tòa án không đưa ông L tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Quốc H đối với ông Dương Văn Đ về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Dương Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho ông Hoàng Quốc H tổng số tiền 1.986.659.500 đồng (Một tỷ chín trăm tám mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn năm trăm đồng), trong đó nợ gốc 1.850.000.000 đồng và nợ lãi là 136.659.500 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên đương sự không thực hiện việc thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Về thủ tục tố tụng những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án; xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa ý kiến của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: người đại diện của bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Thanh L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Chu Thị Thu H3 vắng mặt nhưng là phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 1.850.000.000 đồng theo 04 giấy vay tiền ngày 22/11/2021, ngày 20/01/2022, ngày 24/01/2022 và ngày 14/02/2022, 04 giấy vay tiền đó thể hiện nội dung người cho vay là nguyên đơn và người vay là bị đơn, bị đơn thừa nhận 04 giấy vay tiền này bị đơn viết và ký tên lẫn tay. Như vậy, có căn cứ để xác định bị đơn có vay tiền của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn nói rằng thực tế bị đơn vay tiền của ông L, ông L yêu cầu bị đơn viết giấy người cho vay là nguyên đơn nhưng ông L không thừa nhận, nguyên đơn cũng không thừa nhận mà bị đơn không có chứng cứ để chứng minh nên lời khai của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chưa trả số tiền gốc. Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn số tiền 2.700.000.000 đồng bằng hình thức nhờ bà H3 chuyển khoản giùm cho bị đơn qua tài khoản của ông L, nhưng ông L không thừa nhận, nguyên đơn cũng không nhận số tiền 2.700.000.000 đồng do ông L đưa. Đồng thời, nguyên đơn, bị đơn không có thỏa thuận việc trả nợ giùm như bị đơn khai nên lời khai của bị đơn không có căn cứ. Việc bị đơn cho rằng đã nhờ bà H3 chuyển khoản trả tiền cho ông L thì giữa ông L, bà H3 và bị đơn sẽ giải quyết vụ án khác khi các đương sự có đơn yêu cầu.

Việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về thời gian trả nợ. Nguyên đơn có thông báo cho bị đơn để yêu cầu trả nợ trước khi khởi kiện nhưng bị đơn không nhận được thông báo của nguyên đơn. Việc thông báo này để xác định thời gian tính lãi do đó nguyên đơn không yêu cầu tính lãi ngày nguyên đơn thông báo mà Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi sau đó là ngày 02/11/2023 là đảm bảo quyền lợi cho bị đơn nên không ảnh hưởng đến việc bị đơn chưa nhận được thông báo cho nên bị đơn viện lý do này yêu cầu đình chỉ việc giải quyết vụ án do chưa đủ điều kiện khởi kiện là không có căn cứ. Về yêu cầu tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, cần phải giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Dương Văn Đ.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 95/2024/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Dương Văn Đ phải nộp số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo Biên lai thu số 0000405 ngày 13/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ngô Thị Bích Diệp